

# HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG HỆ THỐNG E-LEARNING ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN

## MỤC LỤC

1. Khóa học mới .....	2
2. Thêm thành viên tham gia khóa học .....	4
3. Thêm hoạt động hoặc tài nguyên .....	4
4. Thêm tài nguyên là ứng dụng trên nền tảng web (URL) .....	7
5. Điểm danh .....	8
6. Tạo danh sách theo dõi hoạt động.....	9
7. Soạn bài giảng tương tác .....	11



## 1. Khóa học mới

Người quản trị tạo ra khóa học và gán giáo viên vào quản lý khóa học. Giáo viên sẽ thêm người học vào khóa học. Người quản trị tạo ra khóa học mới chỉ có các thông tin cơ bản, giáo viên phải cập nhật thông tin khóa học đầy đủ. Để cập nhật thông tin khóa học chọn biểu tượng cài đặt bên phải khóa học.



Hình 1. Nút chọn sửa thông tin khóa học

**Ứng dụng dụng công nghệ thông tin trong dạy học**  
 00000000 / Các khóa học của tôi / UDONT / 000000000000

**Sửa các thiết lập cho khóa học**

Chung

Tên đầy đủ: Ứng dụng dụng công nghệ thông tin trong dạy học

Tên rút gọn của khóa học: UDONT

Các loại khóa học: Công nghệ thông tin

Ngôn ngữ khóa học: VN

Ngày bắt đầu khóa học: 15 / July / 2021 / 00 / 30

Ngày kết thúc khóa học: 15 / October / 2021 / 00 / 30

Mã số ID khóa học: UDONTREVIEW

Tên mô tả khóa học:

Nội dung của học phần gồm các bài viết cơ bản về lĩnh vực công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ AI, các phương tiện kỹ thuật dạy học; cũng như các chủ đề cơ bản về mạng máy tính, Internet, cách khai thác thông tin từ Internet. Tên viết tắt khác sẽ dùng các phần mềm một cách không bị trùng lặp học và cuộc sống.

Hình ảnh của khóa học:

Accepted file types: Ảnh (GIF), Ảnh (JPEG), Ảnh (PNG)

Đánh dấu khóa học

Chẩn đoán

Tập tin và tài liệu

Giảm tải tài liệu thành

Cài đặt

Tùy chỉnh giao diện

Thật

Lưu các thay đổi | Hủy bỏ

Tên rút gọn là tên hiển thị trên menu

Ngày bắt đầu và kết thúc khóa học

Hình 2. Cập nhật thông tin khóa học

Để thêm các hoạt động hoặc tài nguyên (nội dung của khóa học), giáo viên kích hoạt nút chức năng “Bật chức năng chỉnh sửa” nằm bên phải tên tiêu đề khóa học.



## 2. Thêm thành viên tham gia khóa học

- **Bước 1.** Chọn “Danh sách thành viên” từ menu
- **Bước 2.** Chọn “Ghi danh người dùng”
- **Bước 3.** Chọn “Vai trò”. Nếu thêm sinh viên vào lớp chọn vai trò là “Học viên”.
- **Bước 4.** Chọn nhóm người hoặc từng người học
- **Bước 5.** Chọn “Ghi danh” để xác nhận.

 The image shows a form titled 'Ghi danh người dùng' (Add users) with a close button (X) in the top right corner. The form is divided into three sections:
 

- Chọn người dùng (Choose users):** A dropdown menu currently showing 'No selection' and a search box containing 'Tìm kiếm'. A red callout box labeled 'Chọn người học' (Choose user) points to the dropdown.
- Chọn các nhóm (Choose groups):** A dropdown menu currently showing 'No selection' and a search box containing 'Tìm kiếm'. A red callout box labeled 'Chọn nhóm người học' (Choose user group) points to the dropdown.
- Chỉ định vai trò (Assign role):** A dropdown menu currently showing 'Học viên' (Student). A red callout box labeled 'Chọn vai trò' (Choose role) points to the dropdown.

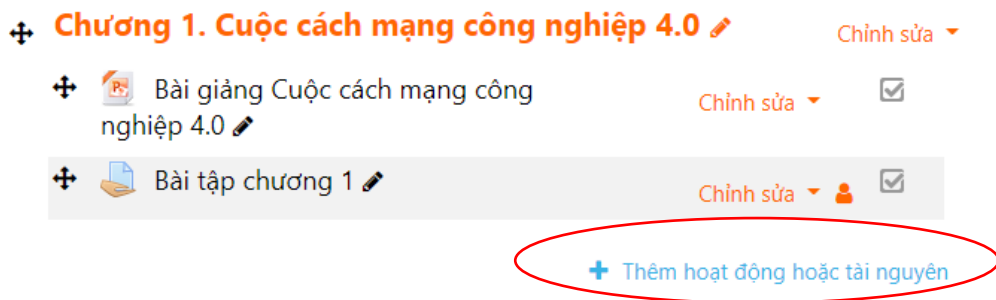
 Below these sections is a link 'Hiển thị thêm...' (Show more...). At the bottom of the form, there are two buttons: a blue button labeled 'Ghi danh những người dùng và các nhóm được chọn' (Add selected users and groups) and a grey button labeled 'Huỷ bỏ' (Cancel).

Hình 3. Ghi danh người dùng vào khóa học

## 3. Thêm hoạt động hoặc tài nguyên

- **Bước 1.** Xác định vùng đặt nội dung trong cấu trúc khóa học (có thể kéo di chuyển vị trí sau khi tạo xong).

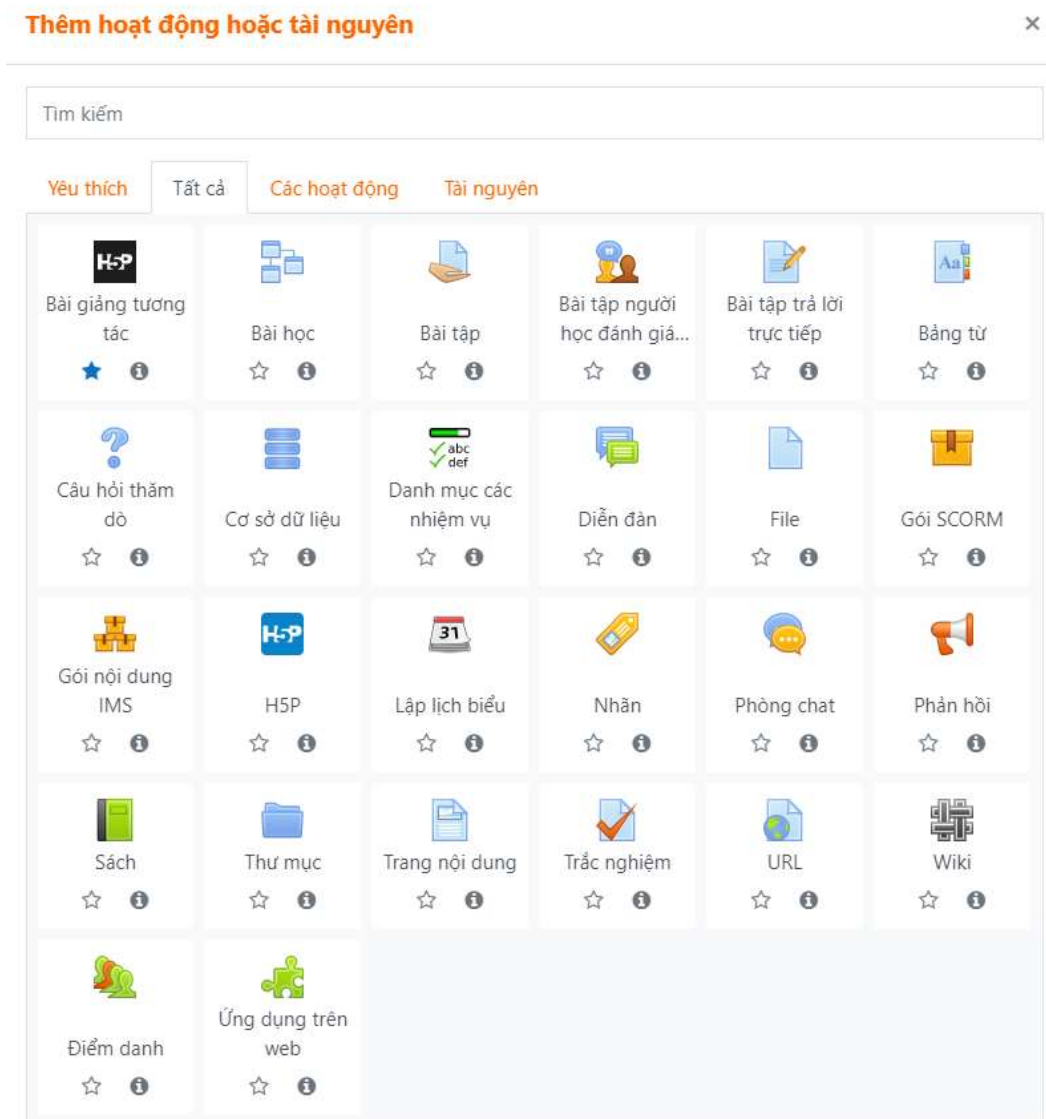
- **Bước 2.** Chọn “Thêm hoạt động hoặc tài nguyên” ở vùng tương ứng.



- **Bước 3.** Chọn hoạt động hoặc tài nguyên muốn tạo

- **Bước 4.** Thiết lập các thông tin

- **Bước 5.** Chọn “Lưu và trở về khóa học” hoặc “Lưu và cho xem” để kết thúc.



Hình 4. Các hoạt động hoặc tài nguyên

**Thêm một URL mới**

Mô hình từ cũ

▼ Chung

Tên

External URL  Chọn một liên kết...

Mô tả

Hiện thị mô tả ở trang khoá học

▼ Giao diện

Display

Display URL description

▼ URL variables

This section allows you to pass internal information as part of the URL. This is useful if the URL is an interactive web page that takes parameters, and you want to pass something like the name of the current user, for example. Enter the name of the URL's parameter in the text box then select the corresponding site variable.

&parameter=variable

&parameter=variable

&parameter=variable

&parameter=variable

&parameter=variable

Thiết lập mô đun chung

Không cho phép truy cập

Hoàn thành các hoạt động

Thẻ

Năng lực

Lưu và trở về khoá học Lưu và chờ xem Hủy bỏ

Tên ứng dụng

Đường dẫn

Thiết lập cách hiển thị cửa sổ

Các tham số ID, Password,... của ứng dụng (nếu có)

Hình 5. Ứng dụng trên nền tảng web (URL)

#### 4. Thêm tài nguyên là ứng dụng trên nền tảng web (URL)

Chức năng URL cho phép giáo viên cung cấp liên kết web làm tài nguyên khóa học. Các đường dẫn tài nguyên web như tài liệu hoặc hình ảnh, đều có thể sử dụng được trong chức năng này. URL của một trang web cụ thể có thể được sao chép và dán hoặc giáo viên có thể sử dụng bộ chọn tệp và chọn liên kết từ một kho lưu trữ như Flickr, YouTube hoặc Wikimedia (tùy thuộc vào kho lưu trữ nào được kích hoạt cho trang web).

Mục URL variables cho phép thêm vào các thông tin như là một phần của URL. Các khai báo này thường được sử dụng khi một URL là một trang web có tương tác lấy thông tin. Nhập tên các tham số của URL vào trong text box và chọn một biến tương ứng.

The screenshot shows the 'Add session' form with the following elements:

- Session type:** All students
- Date:** 11 August 2021
- Time:** from 00:00 to 00:00
- Description:** A rich text editor with various formatting options.
- Calendar event:**  Create calendar event for session
- Student recording:**  Allow students to record own attendance
- Automatic marking:** Disabled

Red callout boxes highlight the following features:

- Thời gian diễn ra hoạt động:** Points to the date and time selection fields.
- Mô tả về hoạt động sẽ diễn danh:** Points to the rich text editor for the session description.
- Cho phép sinh viên tự điểm danh có mặt:** Points to the 'Allow students to record own attendance' checkbox.

Hình 6. Thêm sự kiện cần điểm danh

## 5. Điểm danh

Chức năng cho phép giáo viên tạo hoạt động điểm danh lớp học và sinh viên xem thông tin về sự tham gia học tập của họ. Giáo viên có thể tạo nhiều nội dung hoạt động và có thể đánh dấu trạng thái tham dự như Có mặt (Present - P), Vắng mặt (Absent - A), Muộn (Late - L) hoặc Lý do (Excuse - E).

- **Bước 1.** Tạo hoạt động Điểm danh

- **Bước 2.** Chọn hoạt động điểm danh đã tạo và chọn Add session để thêm sự kiện điểm danh.

- Automatic marking: Tự động đánh dấu gồm có 3 tùy chọn
  - Disabled: Không cho phép sinh viên tự theo dõi
  - Yes: Cho phép tự theo dõi
  - Set unmarked at end of session: Nếu học viên không đánh dấu hoạt động của mình thì mặc định là vắng mặt

- **Bước 3.** Thiết lập và theo dõi điểm danh.

The screenshot shows the 'Sessions' management interface. At the top, there are tabs: 'Sessions', 'Add session', 'Report', 'Export', 'Status set', and 'Temporary users'. Below the tabs are filters: 'All', 'All past', 'Months', 'Weeks', and 'Days'. The main content is a table with columns: '#', 'Date', 'Time', 'Type', 'Description', and 'Các thao tác'. There are two rows of sessions. The first row is for 'Học trực tuyến' (Live Learning) on 'Tue 27 Jul 2021' from '7AM - 8PM'. The second row is for 'Thảo luận bài tập' (Assignment Discussion) on 'Tue 27 Jul 2021' from '9AM - 1PM'. Each row has a set of icons: a green arrow, a gear (labeled 'Thực hiện điểm danh'), a trash can, and a checkbox. Below the table, there is a 'Delete all hidden sessions' button and a 'Chọn...' dropdown menu with a 'Đồng ý' (Confirm) button. A red callout points to the gear icon with the text 'Thực hiện điểm danh'. Another red callout points to the gear icon with the text 'Sửa hoạt động'.

#	Date	Time	Type	Description	Các thao tác
1	Tue 27 Jul 2021	7AM - 8PM	All students	Học trực tuyến	<input type="checkbox"/>
2	Tue 27 Jul 2021	9AM - 1PM	All students	Thảo luận bài tập	<input type="checkbox"/>

Hình 7. Điểm danh hoặc sửa sự kiện điểm danh

- ✓ Tab Report: Hiện thị thống kê điểm danh của tất cả học viên
- ✓ Tab Export: Xuất báo cáo thành file



## 6. Tạo danh sách theo dõi hoạt động

Chức năng này cho phép giáo viên tạo một danh sách công việc, nhiệm vụ cần thực hiện của sinh viên để theo dõi trong cả khóa học.

The screenshot shows the 'Thêm một Danh mục các nhiệm vụ mới' (Add a new task list) form. The form includes a title field, a description field with a rich text editor, and a settings section. The settings section contains several dropdown menus and checkboxes, each with a callout box explaining its function in Vietnamese.

**Annotations:**

- Tên của danh sách công việc** (Task list name): Points to the title input field.
- Học viên có thể thêm các công việc của họ** (Students can add their own items): Points to the 'User can add their own items' dropdown menu.
- Đối tượng được cập nhật nội dung của danh sách công việc** (Who can update the task list content): Points to the 'Updates by' dropdown menu.
- Giáo viên có thể thêm nhận xét** (Teachers can add comments): Points to the 'Teachers can add comments' dropdown menu.
- Xác định đối tượng nhận được email thông báo khi danh sách công việc hoàn thành** (Specify who receives email notifications when the task list is complete): Points to the 'Email when checklist is complete' dropdown menu.
- Xác định phạm vi nội dung hiển thị trong danh sách công việc: toàn khóa học hoặc phần hiện tại** (Specify the scope of content displayed in the task list: all courses or current section): Points to the 'Show course modules in checklist' dropdown menu.
- khóa giáo viên đánh dấu hoạt động** (Teacher mark activity key): Points to the 'Lock teacher marks' dropdown menu.

Hình 8. Danh sách theo dõi hoạt động

- Check-off when modules complete: cho phép/không cho phép đánh dấu các mục trong danh sách công việc khi hoàn thành.
  - Yes, can override: cho phép và có thể phép ghi đè (cho phép tự đánh dấu điều chỉnh)

- Yes, cannot override: cho phép và không ghi đè (không cho phép tự đánh dấu).

The screenshot displays a web interface for adding a new interactive lesson. At the top, the heading reads "Thêm một Bài giảng tương tác mới" (Add a new interactive lesson). Below this is a rich text editor with a toolbar containing various icons for text formatting and alignment. A red callout box with the text "Soạn bài giảng tương tác" (Edit interactive lesson) points to the editor area. Below the editor is a checkbox labeled "Hiện thị mô tả ở trang khóa học" (Show description on course page). The "Editor" section features a dropdown menu for "select content type" with options for "Create Content" and "Upload". A search bar is provided for finding content types. A list of content types is shown, including Course Presentation, Interactive Video, Accordion, Arithmetic Quiz, Chart, Collage, and Column, each with a "Details" button. At the bottom, there are "Display Options" with checkboxes for "Display action bar and frame" and "Copyright button", both of which are checked.

Hình 9. Soạn bài giảng tương tác

## 7. Soạn bài giảng tương tác

Soạn bài giảng tương tác là chức năng cho phép tạo nội dung tương tác như video tương tác, bản trình bày, các dạng câu hỏi trắc nghiệm được tích hợp vào bản trình bày. Công cụ H5P cho phép nhập và xuất các tệp tương tác để tái sử dụng và chia sẻ nội dung một cách hiệu quả.

Tương tác và điểm số của người học được theo dõi và được cập nhật vào sổ điểm của người học. Thông qua bài giảng tương tác giáo viên sẽ nắm được việc hiểu bài và hoàn thành việc học tập của học sinh.

Công cụ H5P có nhiều hình thức để lựa chọn soạn bài như video tương tác, bản trình bày slide tương tác, các câu hỏi lựa chọn như kéo thả với ảnh, kéo thả với văn bản, điền khuyết, các dạng câu hỏi đơn/đa lựa chọn, ... Các bước thực hiện như sau:

- **Bước 1.** Chọn “Thêm hoạt động hoặc tài nguyên”
- **Bước 2.** Chọn “Bài giảng tương tác”
- **Bước 3.** Tiến hành nhập các thông tin và thiết lập các tùy chọn
  - + Soạn nội dung tương tác có 2 loại: Chọn Create content để tạo nội dung tương tác hoặc Upload để tải lên một file nội dung tương tác.
  - + Nếu soạn nội dung tương tác thì cần chọn loại nội dung cần tạo trong danh sách các loại bài giảng tương tác (All content types).

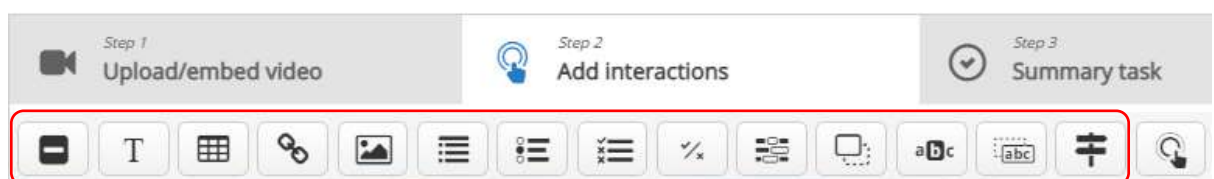
### Nội dung tương tác là video:

Thực hiện qua 3 bước như sau:

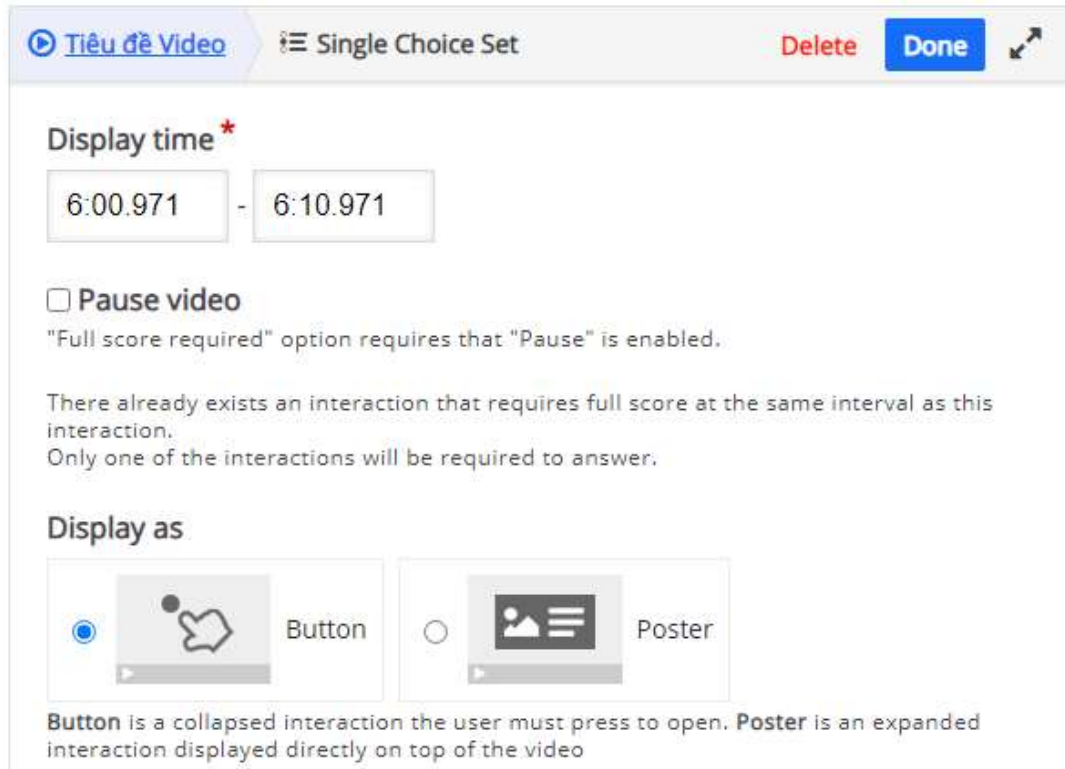
**Bước 3.1:** Thêm vào một video bằng cách click dấu cộng (+) ở mục Add a video. Video có thể tải lên hoặc đường dẫn từ Youtube hoặc các tài nguyên web khác. Các video có định dạng webm hoặc mp4.

**Bước 3.2.** Chọn Add interactions để thêm tương tác cho video

- Kéo thanh trượt Play video tới đoạn cần thêm tương tác.



- Thêm tương tác bằng cách click vào một chức năng từ thanh công cụ để hiển thị giao diện thiết kế cho tương tác.



Một số thiết lập cho thiết kế tương tác như sau:

- + Pause video: Nếu “Full score required” được chọn thì chức năng “Pause” có hiệu lực.
- + Title: Tiêu đề nội dung nhóm câu hỏi (được sử dụng cho tìm kiếm)
- + Question: Nội dung câu hỏi
- + Alternatives: Các đáp án. Mặc định đáp án đầu là câu trả lời đúng.
- + Add answer: Thêm đáp án
- + Add question: Thêm câu hỏi

Overall Feedback

**Define custom feedback for any score range**  
Click the "Add range" button to add as many ranges as you need. Example: 0-20% Bad score, 21-91% Average Score, 91-100% Great Score!

Score Range *	Feedback for defined score range
0 % - 50 %	Chưa đạt yêu cầu
51 % - 80 %	Trung bình
81 % - 100 %	Tốt

**ADD RANGE** **Distribute Evenly**

+ Overall Feedback: Định nghĩa các nhận xét theo mức độ trả lời đúng của người học. Chọn Add range để thêm phạm vi mức độ điểm sẽ nhận xét.

Behavioural settings

**Auto continue**  
Automatically go to next question when alternative is selected

**Timeout on correct answers \***  
Value in milliseconds  
2000

**Timeout on wrong answers \***  
Value in milliseconds  
3000

**Enable sound effects**

**Enable retry button**  
"Full score required" option requires that "Retry" is enabled

**Enable show solution button**

**Pass percentage \***  
Percentage of Total score required for passing the quiz.  
100

+ Behavioural settings:

- Auto continue: tự động tiếp tục sau khi trả lời
- Timeout on correct answers: thời gian chờ cho câu trả lời đúng (Mili giây)
- Timeout on wrong answers: thời gian chờ cho câu trả lời sai (Mili giây)
- Enable sound effects: Có hiệu ứng âm thanh
- Enable retry button: "Full score required" option requires that "Retry" is enabled
- Enable show solution button: Hiện thị nút xem đáp án
- Pass percentage: quy định điểm đạt để đạt nội dung

The image shows a screenshot of a software interface for 'Adaptivity' settings. The main heading is 'Adaptivity'. Below it, there is a sub-section titled 'Action on all correct'. This section contains several input fields and a checkbox:

- Seek to:** A text input field with the instruction 'Enter timecode in the format M:SS' above it.
- Allow the user to opt out and continue:** A checkbox.
- Message:** A large text input area.
- Label for seek button:** A text input field.

+ Adaptivity:

- Action on all correct: Hành động khi tất cả các câu trả lời đúng
- Allow the user to opt out and continue: Cho phép chọn không tham gia và tiếp tục
- Action on wrong: Hành động khi tất cả các câu trả lời sai
- Allow the user to opt out and continue: Cho phép chọn không tham gia và tiếp tục
- Require full score for task before proceeding: Yêu cầu đạt điểm tối đa trước khi tiếp tục.

Chức năng này tốt nhất được chọn cùng với tùy chọn “Prevent skipping forward in a video - Ngăn chuyển tiếp trong video” của Video tương tác.

▼ Adaptivity

▶ Action on all correct

▾ Action on wrong

**Seek to**  
Enter timecode in the format M:SS

**Allow the user to opt out and continue**

**Message**

**Label for seek button**

**Require full score for task before proceeding**  
For best functionality this option should be used in conjunction with the "Prevent skipping forward in a video" option of Interactive Video.

+ Chọn Done để hoàn thành tạo câu hỏi. Muốn sửa nội dung tương tác: chọn biểu tượng tương tác trên màn hình Video, chọn edit (hình bút) để mở giao diện sửa nội dung.

**Bước 3.3.** Chọn Summary task để thêm câu hỏi cho kết thúc bài

- + Title: Tiêu đề cho câu hỏi tổng kết
- + Introduction text: Văn bản đề dẫn cho các kết luận
- + Summary: Các phát biểu tổng kết.
- Set of statements: Tập các phát biểu trong đó chỉ có phát biểu đầu tiên là đúng.
- Add statements: Thêm phát biểu.

The screenshot shows a three-step configuration process for a video summary task. Step 1 is 'Upload/embed video', Step 2 is 'Add interactions', and Step 3 is 'Summary task'. The 'Summary task' section is currently active and contains the following elements:

- Title:** A field containing 'Untitled Summary' with a 'Metadata' button and 'Copy'/'Paste & Replace' options. A note below reads: 'Used for searching, reports and copyright information'.
- Introduction text:** A field containing 'Choose the correct statement.' with a note: 'Will be displayed above the summary task.'
- Summary:** A section with 'Textual' and 'Default' tabs. It contains a 'Set of statements' list with the title 'List of statements for the summary - the first statement is correct.' and two empty 'Statement' input fields.

+ Overall Feedback: Định nghĩa các phản hồi cho kết quả trả lời (trưng tự bước 2)

+ Display at: thời gian hiển thị trước khi kết thúc video (giây)

### **Bước 3.4. Các thiết lập cho công chiếu video (Behavioural settings)**

+ Start video at: Bắt đầu chiếu video tại phút:giây

+ Auto-play video: Tự động chiếu video khi bài giảng được chọn

+ Loop the video: Chiếu lặp lại video khi kết thúc

+ Override "Show Solution" button: Hiển thị đáp án cho các câu hỏi hay không (Enabled-hiển thị/Disabled-không hiển thị)

+ Override "Retry" button: Hiển thị nút Retry - Làm lại cho các câu hỏi

+ Show button for rewinding 10 seconds: Hiển thị nút quay lui mỗi 10 giây

+ Prevent skipping forward in a video: Không cho phép tua nhanh video

+ Deactivate sound: Tắt âm thanh của video



### Bước 3.5. Chọn Done để kết thúc

#### Nội dung tương tác là slide (course presentation):

Cách thực hiện tương tự với soạn bài giảng video tương tác. Một số thiết lập cơ bản như:

- Title: Tiêu đề của nội dung (được sử dụng cho tìm kiếm, báo cáo và thông tin bản quyền – bắt buộc có)
- Thanh chức năng cho soạn thảo nằm phía trên và dưới không gian soạn thảo slide.

The screenshot displays the H-P Hub Course Presentation editor. At the top, there's a header with the H-P Hub logo and 'Course Presentation'. Below this, there are navigation tabs for 'Tutorial' and 'Example', along with 'Copy' and 'Paste & Replace' buttons. The main editing area is titled 'Tiêu đề của bài giảng' (Course Title) and includes a 'Title \* Metadata' field with a description: 'Used for searching, reports and copyright information'. The text 'Tiêu đề của bài giảng' is entered in the field. Below the title field is a toolbar with various icons for text, images, and other slide elements. The main slide content area shows a green starburst shape with the text 'Không gian soạn thảo' (Editing space). Red callout boxes point to specific icons in the toolbar: 'Thêm slide' (Add slide), 'Tạo bản sao slide' (Duplicate slide), 'Tạo nền slide' (Create slide background), and 'Di chuyển slide sang trái/phải' (Move slide left/right). The bottom status bar indicates '1 / 1' and has navigation icons.

- Thêm câu hỏi vào slide:

+ Title: tiêu đề câu hỏi (bắt buộc - được sử dụng cho tìm kiếm)

+ Nhập câu hỏi và các đáp án trả lời. Mặc định đáp án trả lời đầu tiên là đáp án đúng.

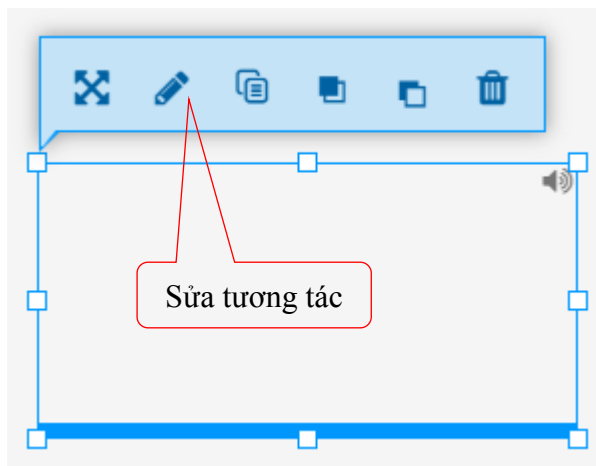
+ Chọn Add answer để thêm đáp án của mỗi câu hỏi và Add question để thêm câu hỏi.

+ Overall Feedback: Định nghĩa các nhận xét theo mức độ trả lời đúng của người học. Chọn Add range để thêm phạm vi mức độ điểm sẽ nhận xét.

+ Behavioural settings:

- Auto continue: tự động tiếp tục sau khi trả lời
- Timeout on correct answers: thời gian chờ cho câu trả lời đúng (Mili giây)
- Timeout on wrong answers: thời gian chờ cho câu trả lời sai (Mili giây)
- Enable sound effects: có/không âm thanh khi chọn đáp án
- Enable retry button: cho hiển thị nút Retry để trả lời lại
- Enable show solution button: Hiển thị nút xem đáp án
- Pass percentage: quy định tỉ lệ phần trăm đạt để chuyển nội dung tiếp theo

+ Chọn Done để chấp nhận các thiết lập.



Muốn sửa nội dung tương tác: chọn câu hỏi tương tác, chọn edit (hình bút) để mở giao diện sửa nội dung.